

Một số vấn đề về chăm sóc con cái trong gia đình hiện nay

Lê Ngọc Lân, Trần Quý Long

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu trong những năm gần đây, bài viết phân tích một số vấn đề liên quan đến việc chăm sóc con cái trong gia đình cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này. Bài viết khẳng định quan điểm cho rằng gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên của mỗi cá nhân và cha mẹ chính là những người có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển và hình thành nhân cách của trẻ.

Từ khóa: Gia đình; Trẻ em; Vị thành niên; Chăm sóc sức khỏe; Giáo dục đạo đức.

Chăm sóc con cái là một lĩnh vực rộng, trải dài trong phần lớn cuộc sống của các gia đình. Nếu ở nhóm trẻ dưới 6 tuổi, việc nuôi dưỡng và dạy dỗ dường như diễn ra nhiều hơn trong gia đình thì ở nhóm 6-14 tuổi, khi trẻ đã đến trường, quá trình hình thành nhân cách chịu những ảnh hưởng nhất định từ phía: thầy cô, bạn bè và các quan hệ khác trong môi trường sống. Dựa trên việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu trong những năm gần đây, bài viết phân tích một số vấn đề liên quan đến việc chăm sóc con cái

trong gia đình cũng như một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này.

Con cái được hiểu như thế hệ thứ hai trong gia đình. Việc chăm sóc con cái trong gia đình có thể biểu hiện ở hai nhóm việc lớn: nuôi dưỡng; sự quan tâm đến quá trình phát triển và giáo dục con cái. Có thể phân chu trình chăm sóc con cái thành nhiều giai đoạn: dưới 6 tuổi; từ 6-14 tuổi, tức là từ lúc trẻ em đủ tuổi đến trường đến hết giai đoạn vị thành niên sớm (có thể phân thành 2 nhóm, nhóm 6-10 tuổi - trẻ em, và nhóm 11-14 tuổi - giai đoạn đầu vị thành niên, tương ứng với nhóm học tiểu học và trung học cơ sở); và nhóm 15-17 tuổi (tương ứng với nhóm trung học phổ thông). Do vậy, trong nhiều trường hợp, việc chăm sóc con cái trong gia đình cũng thường được dùng như từ đồng nghĩa với chăm sóc trẻ em.

1. Về chăm sóc sức khỏe thể chất, dinh dưỡng

Trẻ em phải trải qua một thời kỳ dài trưởng thành trước khi trở thành một cá nhân độc lập và có khả năng tự sinh sống. Trong thời kỳ này, trẻ em cần phải được chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ. Hầu hết trẻ em được sinh ra, nuôi dạy và lớn lên cùng gia đình. Trong môi trường giáo dục quan trọng này, hoạt động chăm sóc trẻ em bị chi phối bởi hoạt động sống của hộ gia đình. Nếu không được chăm sóc cẩn thận, trẻ em sẽ đối mặt với rất nhiều nguy cơ về sức khỏe, bệnh tật, sự sống còn và phát triển (Trần Quý Long, 2014). Chăm sóc con cái, nhất là trẻ em, đòi hỏi cha mẹ, người lớn phải có mặt thường xuyên để phục vụ, nhất là trong 5 năm đầu đời, không chỉ để bảo vệ trẻ trước các nguy cơ mà còn để kích thích sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Trần Quý Long (2014) đã chỉ ra rằng chăm sóc sức khỏe trẻ em là một quá trình liên tục kế tiếp nhau từ khi còn là bào thai tới tuổi vị thành niên. Tác giả cho biết hầu hết các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản của trẻ em ở Việt Nam đã đạt và vượt so với mục tiêu quốc gia vào năm 2010 và có triển vọng đạt một số chỉ tiêu của Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi trẻ em đều được chăm sóc chu đáo như nhau trong mỗi cộng đồng và gia đình. Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em không chỉ phụ thuộc vào những yếu tố vĩ mô từ phía Nhà nước mà còn phụ thuộc vào những đặc điểm nhân khẩu học – xã hội của gia đình.

Phát triển thể chất của trẻ em những năm sau này phụ thuộc nhiều vào cách thức và điều kiện nuôi dưỡng của gia đình đối với trẻ em giai đoạn 0-6 tuổi. Đây là khía cạnh còn ít được đề cập trong nghiên cứu xã hội mà chủ yếu là những đo đạc chỉ số y tế. Dựa trên số liệu Điều tra mức sống dân cư Việt Nam 1992-1993 và số liệu các cuộc điều tra sau này, một số

tác giả cho rằng không có sự thiên vị giới tính chống lại trẻ em gái khi xem xét mối quan hệ giữa chiều cao với tuổi (Dominique Houghton và Jonathan Houghton, 1999) và các chỉ số về tình trạng dinh dưỡng có xu hướng khá bình đẳng giữa trẻ em nam và nữ (Indu Bhushan và cộng sự, 2001). Vai trò của yếu tố dân tộc không rõ ràng. Theo Dominique Houghton và Jonathan Houghton (1999) thì trẻ em dân tộc thiểu số bị còi nhiều hơn. Tuy nhiên, phân tích số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình năm 2006 (James C. Knowles và cộng sự, 2010) lại thấy rằng yếu tố dân tộc không có ảnh hưởng đến bất kỳ chỉ số suy dinh dưỡng nào của trẻ em.

Trình độ giáo dục của người mẹ đã trở thành trung điểm quan tâm nhằm cải thiện sức khỏe thể chất của trẻ em. Khi người mẹ có học vấn cao hơn, con cái của họ ít bị suy dinh dưỡng hơn (Dominique Houghton và Jonathan Houghton, 1999). Một phần quan trọng của mối quan hệ này chính là phụ nữ có học sẽ có nhiều khả năng có được thu nhập cao hơn hoặc sống ở những vùng thành thị, nơi có cơ sở hạ tầng tốt về dịch vụ y tế. Tuy nhiên, một phần của mối liên hệ này có thể là do phụ nữ có học hiểu biết hơn cách nuôi dưỡng con cái khỏe mạnh (Nhóm hành động chống đói nghèo, 2002).

Kinh tế của hộ gia đình là một yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ em (Stefanie Koch và Nguyễn Bùi Linh, 2001). Nói chung, thu nhập có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe vì người tiêu dùng sẽ có điều kiện mua thực phẩm tốt hơn và hưởng dịch vụ y tế có chất lượng cao hơn. Người nghèo ít có khả năng đầu tư vào vốn nhân lực hơn so với người giàu bởi vì thu nhập khiêm tốn của họ thậm chí không đủ khả năng để duy trì những bữa ăn nghèo dinh dưỡng (Indu Bhushan và cộng sự, 2001). Các gia đình ở khu vực nông thôn là nhóm có mức độ suy dinh dưỡng nhiều hơn đáng kể so với khu vực thành thị (Dominique Houghton và Jonathan Houghton, 1999). Sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn làm thay đổi đáng kể nguy cơ bị suy dinh dưỡng. Sự khác biệt này là do chỉ tiêu hộ gia đình ở khu vực thành thị cao hơn rất nhiều so với khu vực nông thôn và trẻ em ở nông thôn có nhiều nguy cơ bị nhiễm các bệnh lây truyền hơn (Stefanie Koch và Nguyễn Bùi Linh, 2001) [dẫn theo Trần Quý Long, 2015].

2. Về chăm sóc tâm lý tình cảm

Lĩnh vực tâm lý tình cảm giữa cha mẹ và con cái thường được đề cập nhiều trong những nghiên cứu về mối quan hệ trẻ vị thành niên (trung ứng nhóm 11-17 tuổi) với cha mẹ. Sự gắn bó của vị thành niên và thanh niên với gia đình được xem là một yếu tố bảo vệ họ khỏi những nguy cơ (Bộ Y

tế và các cơ quan khác, 2005). Mức độ gần gũi của con cái với cha mẹ nói riêng và gia đình nói chung thể hiện qua sự hiểu biết về bạn bè của con, sự trao đổi, chia sẻ, tâm sự giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt khi con cái có những nhu cầu chia sẻ những điều lo lắng về các lĩnh vực của cuộc sống bao gồm cả sức khỏe sinh sản, tuổi dậy thì, tình bạn, tình yêu.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái được xây dựng trên cơ sở sự tin tưởng, bình đẳng. Nghiên cứu của Luru Song Hà (2008) về quan hệ của học sinh trung học cơ sở với cha mẹ cho thấy trong nhiều gia đình tồn tại song song cả ba kiểu quan hệ cha mẹ - con cái: tin tưởng - bình đẳng, bàng quan - xa cách và nghiêm khắc - cứng nhắc. Trong đó, kiểu quan hệ tin tưởng - bình đẳng là hình thức phổ biến nhất. Đáng chú ý là tuy các bậc cha mẹ cho rằng họ không phân biệt đối xử giữa con trai và con gái nhưng chính các em lại nhận thấy điều này. Học sinh trung học cơ sở cho rằng cha mẹ thường đối xử với con gái nghiêm khắc hơn con trai và con gái cũng ít được cha mẹ tin tưởng hơn con trai (Luru Song Hà, 2008).

Phần lớn cha mẹ quan tâm và hiểu biết bạn thân của con. Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy đối với con cái trong độ tuổi 7-14, có 71,8% cha mẹ biết thường xuyên về bạn thân của con. Cha mẹ có trình độ cao đẳng, đại học biết bạn thân của con cao hơn các nhóm còn lại và cao gần gấp đôi nhóm mù chữ (tỷ lệ là 85,4% và 44,9%). Mức độ quan tâm đến bạn bè của con tỷ lệ thuận với mức sống của hộ gia đình. Chỉ có 63% cha mẹ ở nhóm thu nhập thấp nhất biết về bạn thân của con trong khi tỷ lệ này ở nhóm thu nhập cao nhất đạt 81,6%. Trong các gia đình quy mô nhỏ, cha mẹ cũng thường hiểu biết bạn thân của con hơn trong gia đình đông người (Trần Thị Vân Anh và cộng sự, 2011).

Mức độ gắn bó của cha mẹ và con cái còn thể hiện qua ảnh hưởng của cha mẹ đến quyết định lựa chọn bạn bè của con. Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy tỷ lệ cha mẹ tham gia quyết định quan hệ bạn bè cho con chiếm khoảng 31% đối với nhóm 7-14 tuổi và chiếm 28,8% đối với nhóm 15-17 tuổi (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008). Tuy tỷ lệ này thấp hơn khá nhiều so với tỷ lệ con cái tự quyết định nhưng đã cho thấy cha mẹ có vai trò nhất định trong các quyết định lựa chọn bạn bè của con. Các gia đình có mức sống cao và cha mẹ có học vấn cao có xu hướng quan tâm đến bạn bè của con ở cả hai nhóm tuổi nhiều hơn. Đối với con trong độ tuổi 7-14 tuổi, cha mẹ làm lãnh đạo hoặc chuyên môn cao quyết định quan hệ bạn bè của con cao hơn các nhóm còn lại trong khi đối với nhóm 15-17 tuổi, con cái trong các gia đình thành thị bị tác động từ cha mẹ nhiều hơn ở các gia đình nông thôn (Trần Thị Vân

Anh và Hà Thị Minh Khương, 2009). Kết quả Điều tra Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2012 tiếp tục khẳng định rằng, trong các gia đình đô thị, cha mẹ tham gia vào quyết định chọn bạn của con cao hơn ở các gia đình nông thôn (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012).

Nhìn chung, kết quả các nghiên cứu đều cho thấy cha mẹ không phải là lựa chọn hàng đầu của con cái khi cần tìm đối tượng tâm sự. Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy khi có chuyện buồn, bạn bè là đối tượng được con cái ở nhóm tuổi 15-17 tìm đến tâm sự nhiều nhất (47,3%). Có 26,9% con cái tìm đến với người mẹ, tiếp đến là người thân trong gia đình như anh, chị, em, ông bà (12,4%) và cuối cùng là người cha với 2,6%. Đối với các vấn đề nhạy cảm như yêu đương hoặc sức khỏe sinh sản, cha mẹ tiếp tục không phải là lựa chọn hàng đầu của con khi cần tư vấn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008). Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên lần 1 (SAVY I, 2003) cho thấy phần lớn vị thành niên và thanh niên thu nhận các kiến thức về sức khỏe sinh sản từ các phương tiện truyền thông đại chúng, cán bộ chuyên môn và bạn bè rồi mới đến từ gia đình (Bộ Y tế và các cơ quan khác, 2005).

Tuy vậy, phần lớn vị thành niên và thanh niên đánh giá khá cao về mối quan hệ với cha mẹ. Kết quả Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần 2 (SAVY II) cho thấy 39% đánh giá rất tốt và 41% đánh giá tốt trong mối quan hệ với cha trong khi tỷ lệ này ở người mẹ lần lượt là 44% và 42%. Không có sự khác biệt đáng kể trong đánh giá về mối quan hệ với cha mẹ giữa nam và nữ, giữa những người sống ở thành thị và nông thôn. Tuy nhiên, tỷ lệ vị thành niên và thanh niên người Kinh và người Hoa đánh giá tốt về quan hệ với cha mẹ cao hơn so với các nhóm dân tộc thiểu số khác (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và các cơ quan khác, 2008).

Vị thành niên Hà Nội lứa tuổi 13-14 cũng cho biết, phần lớn họ cảm thấy khá gắn bó với cả cha và mẹ nhưng họ vẫn có xu hướng gần gũi với mẹ nhiều hơn so với cha. Điều này có thể do ảnh hưởng từ cách giáo dục “cha nghiêm, mẹ từ” trong gia đình người Kinh truyền thống. Tuy nhiên, so với xã hội truyền thống, vai trò của người cha với đời sống tình cảm của con cái đã có dấu ấn rõ rệt hơn. Cha mẹ là đối tượng con cái tâm sự nhiều vấn đề quan trọng trong cuộc sống như những khúc mắc trong quan hệ với bạn bè, thầy cô giáo hay trong việc lựa chọn trường học/ nghề nghiệp. Tuy nhiên, đối với những vấn đề nhạy cảm như tình yêu hay tình dục, vẫn có những rào cản nhất định trong giao tiếp giữa cha mẹ và con cái. Cảm nhận về sự tin tưởng và gắn bó giúp thanh niên dễ cảm thấy thân thiết với cha

mẹ hơn. Nếu yếu tố mức độ tin tưởng tác động mạnh hơn tới quan hệ với cha thì sự gắn gũi chi phối nhiều hơn tới quan hệ với mẹ. Điều này cho thấy những cảm nhận của thanh niên giai đoạn 13-14 tuổi có khả năng chi phối rất lớn đến sự phát triển sau này và việc chăm sóc và giáo dục thanh thiếu niên cũng cần hết sức chú ý đến giai đoạn phát triển này của họ (Lê Ngọc Lân và cộng sự, 2014).

Sự quan tâm của cha mẹ đến quá trình tâm lý của con cái trong gia đình có ảnh hưởng lớn đến tâm trạng của con cái. Kết quả phân tích vai trò gắn kết của gia đình với tâm trạng của trẻ vị thành niên từ Điều tra Thanh niên và Vị thành niên Việt Nam (SAVY II) cho thấy, vào thời kỳ thanh thiếu niên ở độ tuổi 12-18, một thời kỳ quan trọng trong quá trình phát triển nhân cách của họ, sự gắn kết với gia đình càng mạnh thì mức độ trải qua cảm giác buồn chán của thanh thiếu niên càng thấp. Tỷ lệ thanh thiếu niên trải qua sự buồn chán ở nhóm thuộc gia đình có sự gắn kết yếu là 22%. Tỷ lệ này ở nhóm thuộc gia đình có sự gắn kết mạnh là 11,4%. Cụ thể, tỷ lệ đã từng cảm thấy buồn chán ở nhóm thanh thiếu niên 14-17 và nhóm 18-21 khoảng 75%. Tỷ lệ này ở nhóm 22-25 là 65,8%. Tỷ lệ từng có cảm giác rất buồn hoặc thấy mình là người không có ích đến nỗi không muốn hoạt động như bình thường ở nhóm 14-17 là 27,9%, ở nhóm 18-21 là 29,8%, ở nhóm tuổi 22-25 là 24,1%. Có 21,2% thanh thiếu niên 14-17 đã từng cảm thấy hoàn toàn thất vọng về tương lai. Tỷ lệ này ở nhóm 18-21 cao hơn một chút với 22,8% và giảm xuống ở nhóm 22-25 tuổi với 19,6% (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và các cơ quan khác, 2008).

Có thể thấy, mô hình phổ biến trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái là tin tưởng – bình đẳng. Cha mẹ tuy không phải là đối tượng lựa chọn hàng đầu của con khi con cần chia sẻ các vấn đề tình cảm, khi con cần tìm hiểu các thông tin về sức khỏe sinh sản nhưng cha mẹ, đặc biệt là người mẹ vẫn có vai trò nhất định trong quyết định bạn bè cho con và con cái vẫn đánh giá cao mối quan hệ tốt đẹp giữa cha mẹ và con cái. Ở một khía cạnh khác, là sự quan tâm của cha mẹ về những vấn đề tâm lý tình cảm mà con cái đang gặp phải. Nghiên cứu trên 597 gia đình có con vị thành niên trong độ tuổi 10-17 tại Bắc Trung Bộ (Nghệ An và Hà Tĩnh) năm 2012 cho thấy có 36,5% các bậc cha mẹ cho rằng họ biết rõ vấn đề khó khăn trong ứng xử với thầy cô và bạn bè (kể cả việc bị bắt nạt) của con cái. Bên cạnh đó, hơn một nửa (55,9%) các bậc cha mẹ biết rõ về bạn thân của con và tỷ lệ cha mẹ biết nơi con thường đến chơi là 66,3%. Còn lại là những người cha, người mẹ có biết nhưng chỉ ở mức độ sơ sài hoặc không biết những vấn đề của con cái. Đối với các đặc điểm của gia đình, có sự khác biệt theo khu vực cư trú về mức độ biết rõ các vấn đề của con cái vị thành niên. So với các bậc cha mẹ ở khu vực nông thôn, các bậc cha mẹ ở khu vực thành

thị biết rõ khó khăn trong ứng xử với thầy cô và bạn bè của con cái cao hơn, 50,4% so với 31,8%. Tương tự, cha mẹ ở khu vực thành thị có tỷ lệ biết rõ bạn thân của con và nơi con thường đến chơi cao hơn cha mẹ ở khu vực nông thôn. Như vậy, có mối liên quan rõ ràng giữa các đặc trưng của yếu tố gia đình đến khả năng hiểu biết của các bậc cha mẹ trong các vấn đề về tâm lý, tình cảm của con cái vị thành niên (Trần Quý Long, 2014b).

3. Về giáo dục đạo đức

Dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, các gia đình nhận thức rõ mỗi cá nhân phải phát triển toàn diện mới có thể đáp ứng yêu cầu của công việc cũng như có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Chính vì vậy, việc quan tâm, chăm sóc con cái đã được đặt lên hàng đầu trong các gia đình. Các gia đình ngày càng lưu tâm đến việc thực hiện quyền trẻ em, đồng thời đầu tư cho việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy và hình thành nhân cách cho con em mình (Trần Quý Long, 2014).

Về mức độ quan tâm dạy dỗ của cha mẹ với con cái, đã có một số nghiên cứu tìm hiểu kỳ vọng của cha mẹ với con cái, thời gian cha mẹ dành cho con cái, cách thức giáo dục con cái và một số khó khăn của cha mẹ trong việc giáo dục con cái.

Cha mẹ mong muốn dạy dỗ cho con cái nhiều phẩm chất đạo đức khác nhau. Điều tra Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy trong giáo dục đạo đức, năm nội dung được gia đình quan tâm hướng dẫn thường xuyên nhất là: thật thà (62,2%); trung thực/chân thành (51,5%); lòng nhân ái, yêu thương (43%); ngăn nắp (41,1%); và giữ gìn vệ sinh cá nhân (38,5%). Không có sự khác biệt đáng kể giữa những người ở các nơi cư trú, mức sống khác nhau, và có cha mẹ ở các lứa tuổi, nghề nghiệp, học vấn khác nhau trong việc lựa chọn các phẩm chất đạo đức cần giáo dục cho con cái (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho thấy kỳ vọng của cha mẹ về phẩm chất đạo đức của con cái dường như bị ảnh hưởng bởi quan niệm về các vai trò giới. Theo kết quả Điều tra Bình đẳng giới ở Việt Nam (2005), ba đặc điểm mà người mẹ lựa chọn để dạy cho con gái mình là vâng lời cha mẹ (86,9%), khéo cư xử (64%) và cần cù chịu khó (51,9%) trong khi ba tính cách được mong muốn ở con trai là vâng lời cha mẹ (80,9%), có trách nhiệm (61%) và không ỷ lại (44,5%) (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008).

Đáng chú ý là không có sự khác biệt đáng kể giữa cha và mẹ trong quan niệm về việc giáo dục đạo đức cho con trai và con gái. Cha mẹ mong muốn con gái khéo léo và chăm chỉ trong khi trông đợi ở con trai tính độc lập,

tự chủ. Như vậy, trong giáo dục con gái, cha mẹ vẫn chú ý đến tính nữ trong khi các phẩm chất gắn với tính nam được nhấn mạnh trong giáo dục con trai. Xét theo nơi cư trú, những người làm cha làm mẹ ở thành thị chú trọng giáo dục tính không ỷ lại và có trách nhiệm cho con cái hơn những người sống ở nông thôn. Trong khi đó, tỷ lệ người có mức sống nghèo quan tâm giáo dục con trai và con gái tính cần cù, tiết kiệm cao hơn so với các nhóm có mức sống cao hơn (Trần Thị Hồng, 2008).

Về cách thức giáo dục đạo đức cho con cái, nhiều biện pháp đã được thực hiện như khuyên bảo, nhắc nhở, làm gương, động viên khuyến khích, thưởng phạt kịp thời (Nguyễn Chí Dũng, 2006; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Biện pháp giáo dục phổ biến nhất của cha mẹ khi con cái mắc lỗi là nhắc nhở, phân tích đúng sai và đây được xem là xu hướng chung trong việc xây dựng gia đình theo hướng dân chủ, bình đẳng (Trần Thị Vân Anh và cộng sự, 2011; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Tuy nhiên, vẫn còn một số cha mẹ đánh mắng con hoặc ngược lại, không làm gì khi con cái phạm sai lầm. Đáng chú ý là nhiều trường hợp, cha mẹ có thể cùng áp dụng hai, ba biện pháp xử lý hành vi sai phạm của con cái như vừa phân tích đúng sai vừa quát mắng hoặc đánh đòn (Trần Thị Vân Anh và cộng sự, 2011).

Một số khó khăn của cha mẹ trong quá trình giáo dục đạo đức cho con cái cũng được các nghiên cứu chỉ ra trong đó nguyên nhân phổ biến là thiếu kiến thức, thiếu thời gian và sự khác biệt về chuẩn mực. Thiếu kiến thức và kinh nghiệm là một trong những khó khăn lớn nhất mà cha mẹ gặp phải. Điều tra tại Hà Nội (2012) cho thấy có tới 37,5% cha mẹ gặp phải khó khăn này. Điều này xuất phát từ sự đổi mới và cải cách giáo dục liên tục trong những năm gần đây cũng như sự phát triển của công nghệ cho phép trẻ có nhiều cơ hội tiếp cận tri thức mới hơn (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Nghiên cứu về giáo dục đạo đức cho trẻ em thành phố tại Hà Nội của Nguyễn Thị Quyên (2009) cũng cho thấy có 47,5% phụ huynh bị hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm giáo dục con. Trình độ học vấn của phụ huynh càng cao, họ càng ít gặp phải khó khăn này hơn.

Khó khăn phổ biến thứ hai là việc thiếu thời gian dành cho việc giáo dục con cái. Chẳng hạn, 32,1% số người được hỏi gặp phải khó khăn này, đặc biệt nhóm người trẻ tuổi, làm nông nghiệp hoặc sống ở ngoại thành (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012) hay nghiên cứu của Đặng Bích Thủy tại Bắc Ninh cũng cho thấy do quá bận rộn với công việc làm ăn, nhiều cha mẹ đã không có thời gian dành cho con cái (Đặng Bích Thủy, 2012). Kết luận tương tự cũng được đưa ra trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Quyên (2009) với 40,8% các bậc cha mẹ thiếu thời gian dành cho con.

Sự khác biệt về giá trị, chuẩn mực giữa cha mẹ và con cái cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho cha mẹ trong việc giáo dục con cái. Trong nghiên cứu trường hợp Hà Nội của Nguyễn Thị Quyên (2009), có 34% phụ huynh gặp phải vấn đề này. Tuổi tác của cha mẹ càng cao, sự khác biệt về các giá trị, chuẩn mực đạo đức giữa cha mẹ và con cái càng lớn. 40,6% phụ huynh trên 50 tuổi gặp phải khó khăn này trong khi tỷ lệ này ở nhóm dưới 40 tuổi là 24%. Đáng chú ý là cha mẹ có trình độ đại học trở lên gặp khó khăn này cao hơn so với nhóm có trình độ trung học cơ sở trở xuống (tỷ lệ lần lượt là 45,1% và 28,4%) (Nguyễn Thị Quyên, 2009).

Như vậy, tuy được thực hiện ở các quy mô khác nhau nhưng các nghiên cứu đều cho thấy cha mẹ quan tâm và đề cao việc giáo dục đạo đức cho con cái. Tuy nhiên, cha mẹ chưa dành nhiều thời gian để dạy dỗ con cái, đặc biệt trong các gia đình nông thôn hoặc cha mẹ có trình độ học vấn thấp. Công việc này vẫn do người mẹ chịu trách nhiệm chính. Cha mẹ đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm giáo dục cho con như nhắc nhở, phân tích đúng sai, khen thưởng khi con làm tốt và xử phạt khi con làm sai. Khi giáo dục đạo đức cho con, cha mẹ gặp phải một số khó khăn trong đó phổ biến là thiếu kiến thức và kinh nghiệm, hạn chế về thời gian và sự khác biệt giá trị chuẩn mực giữa cha mẹ và con cái. Đáng chú ý là có những bằng chứng cho thấy kỳ vọng của cha mẹ về đạo đức của con cái cũng như các biện pháp cha mẹ giáo dục con cái có sự phân biệt giữa con trai và con gái.

4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của cha mẹ trong chăm sóc con cái

Một nghiên cứu gần đây cho thấy các biến đổi xã hội lớn đã diễn ra ở Việt Nam trong những năm qua dường như không tác động nhiều tới vai trò giới. Các giá trị truyền thống về gia đình có sức sống bền bỉ và tồn tại vượt lên trên các biến đổi xã hội mạnh mẽ. Mặc dù mức độ tham gia của nam giới đang tăng lên nhưng phụ nữ vẫn tiếp tục đóng các vai trò lớn trong công việc nội trợ và chăm sóc con cái (John Knodel, Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, 2008). Có tác giả cho rằng người cha ít gần gũi với con hơn mẹ (nhất là con gái và con nhỏ) là do truyền thống văn hóa, lại hay vắng nhà do nhiều nguyên nhân khác nhau. Vì thế người ta cho là đương nhiên người mẹ phải thay cha gánh vác trách nhiệm nuôi dạy con cái một mình (Mai Huy Bích, 2003).

Trình độ học vấn của cha mẹ ảnh hưởng không nhỏ đến việc quan tâm chăm sóc con cái. Những gia đình có trình độ học vấn cao sẽ có điều kiện để nhận thức được tầm quan trọng của việc quan tâm chăm sóc con cái và hiểu được phương thức chăm sóc con cái như thế nào. Thực tế cho thấy ở

những gia đình có học vấn cao, việc quan tâm chăm sóc con cái cũng tốt hơn. Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy sự khác biệt ở mức chăm sóc trẻ em từ 3 giờ trở lên có mối quan hệ với học vấn của người vợ và người chồng. Những người vợ, người chồng có học vấn càng cao thì tỷ lệ dành thời gian chăm sóc con càng lớn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008).

Kết quả của nhiều nghiên cứu cho thấy gia đình có mức sống cao hơn thì có điều kiện để quan tâm chăm sóc con cái nhiều hơn. Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006 cho thấy việc dành thời gian chăm sóc con từ 3 giờ trở lên trong ngày tỷ lệ thuận với mức thu nhập đối với cả người vợ và người chồng. Nguyên nhân thiếu thời gian chăm sóc con chủ yếu do gánh nặng kiếm sống (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008). Chi phí cơ hội là rào cản lớn trong việc chăm sóc trẻ em ở những hộ gia đình nghèo. Vì người nghèo thường làm việc trong các khu vực không chính thức - khu vực được biết đến là thu nhập thấp, tốn nhiều công sức - vì thế gây khó khăn cho người nghèo khi bỏ ra thời gian để chăm sóc trẻ em (Trần Quý Long, 2014).

Môi trường xã hội và vật chất của mỗi gia đình góp phần tạo nên bản sắc riêng của mối quan hệ ở gia đình đó. Chẳng hạn, gia đình đông con có thể khiến cho mối quan hệ gia đình thêm phức tạp, mức độ chăm sóc con cái bị giảm hoặc sự không thống nhất giữa các thành viên trong gia đình tăng lên (Nguyễn Hữu Minh, 2013). Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy không có sự khác biệt rõ rệt giữa người cao tuổi thành thị và nông thôn về các hình thức hỗ trợ con cháu, trong đó có việc chăm sóc cháu. Đặc biệt đối với gia đình trẻ, thu nhập thấp hay thu nhập không ổn định thì sự hỗ trợ của ông bà gần như là phương án tối ưu trong thời gian nuôi cháu nhỏ và vai trò của ông bà trong việc chăm sóc cháu là không thể phủ nhận (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008). Phân tích kết quả Điều tra Gia đình Hà Nội năm 2010 cũng có kết luận tương tự, sự xuất hiện của các bậc ông bà giúp giảm thiểu gánh nặng việc chăm sóc trẻ em trong gia đình. Việc ông bà tham gia các công việc gia đình như là một cách để họ thể hiện giá trị của bản thân thông qua lao động. Với ông bà sống cùng, những phiền toái và vất vả của việc chăm sóc con cái không đè nặng lên một mình bố mẹ. Qua đó cho thấy, hộ gia đình mở rộng là một cách tổ chức đời sống hợp lý, nhờ vậy mà các bậc bố mẹ có thể tự do làm việc trong suốt nhiều giờ ở nơi làm việc, trong khi các bậc ông bà và trẻ em lớn tuổi hơn, ít có năng suất về mặt kinh tế thì tham gia công việc trông coi trẻ nhỏ. Các bậc ông bà với bề dày kinh nghiệm của mình đã giúp sức rất nhiều trong việc nuôi dạy, chăm sóc trẻ, góp phần tăng cường tính năng động của đời sống gia đình hiện nay (Trần

Quý Long, 2014).

Khu vực cư trú có mối liên hệ với việc chăm sóc trẻ em, người vợ cư trú ở khu vực thành thị có tỷ lệ chăm sóc trẻ em cao hơn người vợ ở khu vực nông thôn. Nhưng tỉ lệ hai vợ chồng cùng tham gia chăm sóc trẻ em ở khu vực nông thôn lại cao hơn khu vực thành thị (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008). Trẻ em ở khu vực nông thôn bị thiệt thòi so với trẻ em cùng trang lứa ở thành thị bởi cha mẹ chúng vẫn phải đặt vấn đề “cơm áo gạo tiền” lên trên hết mà chưa có điều kiện quan tâm chăm sóc con cái (Trịnh Hòa Bình, 2005). Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam cho thấy việc chăm sóc trẻ em ở các gia đình ở nông thôn khó khăn hơn so với khu vực thành thị. Những người mẹ ở nông thôn dành thời gian chăm sóc con cái ít hơn so với người mẹ ở thành thị, ví dụ có 38,3% phụ nữ ở thành thị chăm sóc con ở mức cao nhất là từ 3 giờ/ngày, cao hơn đáng kể so với phụ nữ nông thôn (24,7%). Đặc biệt ở một số gia đình có cha/mẹ đi làm ăn xa, việc chăm sóc con cái phần nhiều do ông/bà hoặc anh/chị lớn trong gia đình chịu trách nhiệm. Hoạt động chăm sóc trẻ em cũng có sự khác biệt theo vùng. Theo kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006, thời gian chăm sóc con từ 3 giờ trở lên theo vùng của những người phụ nữ ở vùng Tây Bắc và vùng Tây Nguyên có tỷ lệ thấp nhất, ngược lại cao nhất là vùng Đông Nam Bộ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008).

Gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên của mỗi cá nhân, mỗi con người và cha mẹ chính là những người có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển và hình thành nhân cách của trẻ. Nghiên cứu của Carroll Davis (1966) đã chỉ ra rằng việc cha mẹ trợ giúp cũng như kiểm soát con một cách tích cực, tối ưu sẽ giúp hoàn thiện sự phát triển của trẻ. Bên cạnh đó, một nghiên cứu khác ở Montreal (Westley và Epstein, 1969) cũng đã cho kết quả tương tự. Sức khỏe tâm thần của trẻ có mối liên hệ trực tiếp với mối quan hệ tình cảm, hỗ trợ với cha mẹ. Những bậc phụ huynh cân bằng trong việc chia sẻ công việc với trách nhiệm cá nhân thì có con cái khỏe mạnh hơn những cặp vợ chồng không chia sẻ chút gì hoặc chia sẻ mọi thứ (dẫn theo Lyle E.Larson, 1976).

Quá trình chăm sóc và dạy dỗ con cái là một quá trình phức tạp đòi hỏi cha mẹ phải có đủ kỹ năng, thời gian và một số đặc tính cần thiết. Nhiều nghiên cứu đã được tiến hành nhằm tìm hiểu đâu là những yếu tố tác động đến hành vi cũng như chất lượng chăm sóc con cái của các bậc phụ huynh trên các mảng hoạt động như dinh dưỡng và giáo dục. Phân tích một số kết quả nghiên cứu liên quan gần đây vừa giúp nhận ra những mặt còn

khuyết thiếu trong nghiên cứu, những yếu tố có thể tác động, ảnh hưởng đến các chủ thể chăm sóc con cái trong gia đình. Tuy nhiên, cũng cần phải phân tích thêm những dữ liệu thực tiễn khác để có thể phác họa những nét cơ bản hơn về các lĩnh vực chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe hay giáo dục hình thành nhân cách cho trẻ em trong gia đình hiện nay cũng như những vấn đề đặt ra cần khắc phục, hỗ trợ để việc chăm sóc trẻ em trong các gia đình tốt hơn.

Có thể thấy, nghiên cứu về gia đình những năm qua đã được thực hiện trên nhiều khía cạnh, ở nhiều địa bàn khác nhau. Tuy vậy, khía cạnh chăm sóc con cái trong gia đình chưa được kết nối, nghiên cứu rộng rãi. Một số lĩnh vực của chăm sóc gia đình thường được lồng vào các nghiên cứu khác nhau về hôn nhân gia đình, về quyền trẻ em, về người cao tuổi... Để có căn cứ xây dựng những chương trình nghiên cứu tiếp theo về chăm sóc gia đình nói chung, chăm sóc con cái trong gia đình nói riêng, việc phân tích, khái quát kết quả nghiên cứu về chăm sóc con cái trong gia đình hiện nay nói chung, chăm sóc con cái ở các nhóm tuổi khác nhau nói riêng trên các bình diện cụ thể là điều cần thiết. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, UNICEF, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. 2008. *Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF). 2005. *Kết quả Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên 2003 (SAVY 1)*.
- Đặng Bích Thủy. 2012. Quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên ở Việt Nam: Thực trạng, vấn đề cần quan tâm. Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ 2011-2012. Hà Nội.
- John Knodel, Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy. 2008. *Phân công giới trong lao động gia đình ở Việt Nam. Báo cáo nghiên cứu*. Đại học Michigan.
- Lê Ngọc Lan, Nguyễn Hà Đông, Nguyễn Thị Hồng Hạnh. 2014. Một số khía cạnh của các mối quan hệ cơ bản trong gia đình Người dân Hà Nội đầu thế kỷ 21, qua những nghiên cứu gần đây của Viện Gia đình và Giới. Đề tài cấp cơ sở. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.
- Lưu Song Hà. 2008. *Cách thức cha mẹ quan hệ với con và hành vi lệch chuẩn của trẻ*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Lyle E.Larson. 1976. *The Canadian family in comparative perspective*. Prentice Hall of Canada, LTD.
- Mai Huy Bích. 2003. “Vài nhận xét về vai trò chăm sóc và dạy dỗ của người cha”. *Tạp chí Xã hội học*, (số 2), tr. 13-27.

- Nguyễn Chí Dũng. 2006. “Kiểu loại gia đình và giáo dục trẻ em trong gia đình ở Hà Nội hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, 94(2).
- Nguyễn Hữu Minh. 2013. “Phân tích các mối quan hệ trong gia đình: Một số khía cạnh phương pháp luận”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 2.
- Nguyễn Thị Quyên. 2009. “Những khó khăn trong giáo dục đạo đức cho trẻ em ở gia đình thành phố hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, 107(3), 76-82.
- Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Tổng cục Thống kê và ADB. 2008. *Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần thứ 2*.
- Trần Quý Long. 2015. “Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi của trẻ em dưới 5 tuổi”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 1.
- Trần Quý Long. 2014. “Gia đình và hoạt động chăm sóc trẻ em ở Hà Nội”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 1.
- Trần Quý Long. 2014b. “Sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái vị thành niên trong đời sống tâm lý, tình cảm ở khu vực Bắc Trung Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 5.
- Trần Thị Hồng. 2008. “Khôn mẫu giới trong gia đình”. Trong *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên) (tr.388-419). Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, Hà Thị Minh Khương. 2011. “Quan hệ của cha mẹ và con cái chưa thành niên”. *Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam - Một số kết quả phân tích sâu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh, Hà Thị Minh Khương. 2009. “Quan hệ cha mẹ với con cái ở tuổi vị thành niên”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 6.
- Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Trịnh Hòa Bình. 2005. “Sự hiểu biết giữa gia đình và trẻ em về vấn đề quyền trẻ em hiện nay (Qua cuộc Điều tra kiến thức, thái độ và hành vi của cộng đồng về Quyền trẻ em 2004-2005)”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4.
- Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. 2012. Thực trạng mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội.